

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/02/2022.

V/v: "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngư.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 17/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh H cưới nhau năm 2004; tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2008; thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, nên không còn chung sống cho đến nay. Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Ma R, sinh ngày 30/11/2005; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh H; chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Minh H:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Trần Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn Lê Minh H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Lê Minh H và chị Trần Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2008 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, nên không còn chung sống cho đến nay; do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Ma R, sinh ngày 30/11/2005. Xét thấy tại tờ nguyện vọng cháu Lê Ma R ngày 19/03/2021, cháu trình bày nguyện vọng của cháu xin được sống với chị N, nên tiếp tục giao con cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H.

Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Lê Minh H.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Ma R, sinh ngày 30/11/2005 cho chị Trần Thị Tuyết N nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H.

Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0002962 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Trúc